

Số: 511 /QĐ-ĐHKB

Bắc Ninh, ngày 24 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi kiểm tra ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản của Trường Đại học Kinh Bắc

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-TTg ngày 26/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh Bắc;

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học của Trường Đại học Kinh Bắc;

Căn cứ hồ sơ đăng ký kiểm tra của thí sinh;

Xét đề nghị của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi kiểm tra ứng dụng CNTT cơ bản của Trường Đại học Kinh Bắc ngày 28/05/2025 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu VT, ĐT./.

KÊ HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
KINH BẮC
TS. Phạm Ngọc Trúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI
KIỂM TRA ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

(Kèm theo Quyết định số 544 /QĐ-ĐHKB ngày 24 / 5 /2025 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh Bắc)

Ngày kiểm tra: 28/05/2025

STT	Mã hồ sơ	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Mã SV
1	CCTH674	Dương Thùy Dương	06/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	10D.QTKD1	10D1010013
2	CCTH675	Nguyễn Văn Kỳ	17/11/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	10D.QTKD1	10D1010036
3	CCTH676	Lê Tiến Dũng	24/10/2001	Bắc Ninh	Nam	Kinh	10D.QTKD1	10D1010015
4	CCTH677	Trương Văn Ngọc	02/03/2003	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	10D.QTKD1	10D1010143
5	CCTH678	Ngô Khánh Huyền	16/12/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.KT2	10D3010060
6	CCTH679	Nguyễn Thị Thu Phương	07/01/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.KT2	10D3010071
7	CCTH680	Nguyễn Ngọc Anh	22/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	10D.KT2	10D3010045
8	CCTH681	Nguyễn Tuấn Hiệp	20/10/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	10D.QTKD2	10D1010089
9	CCTH682	Trần Thị Ngân	25/03/2003	Hải Dương	Nữ	Kinh	10D.KT2	10D3010069
10	CCTH683	Nguyễn Thị Quỳnh Dương	15/07/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.QTKD1	10D1010014
11	CCTH684	Dương Tuấn Anh	27/12/2002	Bắc Ninh	Nam	Kinh	10D.QTKD1	10D1010001
12	CCTH685	Hoàng Thị Kha	17/04/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.QTKD1	10D1010032
13	CCTH686	Nguyễn Văn Quỳnh	13/05/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	10D.QTKD2	10D1010159
14	CCTH687	Phạm Đình Phi	28/03/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	10D.DLKS	10D1030044
15	CCTH688	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	02/06/2002	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.QTKD01	10D1010050
16	CCTH689	Nguyễn Thị Hải Anh	07/12/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.QTKD01	10D1010163
17	CCTH690	Dương Thị Thùy Linh	30/04/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	10D.QTKD01	10D1010045
18	CCTH691	Lê Tuấn Anh	22/11/2003	Thanh Hóa	Nam	Kinh	10D.QTKD02	10D1010072
19	CCTH692	Nguyễn Thị Hương	06/10/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.QTKD02	10D1010093
20	CCTH693	Vy Thị Hồng Gấm	17/08/2002	Bắc Giang	Nữ	Kinh	10D.QTKD2	10D1010082
21	CCTH694	Đặng Thị Lan Anh	20/08/1996	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	08H.QTKD01	08H1010005
22	CCTH695	Nguyễn Ngọc Huyền	26/11/2002	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.QTKD1	10D1010029
23	CCTH696	Phạm Văn Tùng	08/06/1996	Hải Dương	Nam	Kinh	08H.QTKD	08H1010002
24	CCTH697	Vũ Thị Nhung	27/05/2003	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	10D.QTKD1	10D1010051
25	CCTH698	Nguyễn Thị Vân Anh	08/10/2004	Thái Bình	Nữ	Kinh	11LC.KT	11LC3010001
26	CCTH699	Nguyễn Thị Nhung	08/10/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.KT1	10D3010028
27	CCTH700	Nguyễn Thu Huyền	03/12/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	06D.KS	06D1030102
28	CCTH701	Hoàng Thị Ngọc Ánh	11/10/2003	Nam Định	Nữ	Kinh	10D.KS	10D1030001
29	CCTH702	Phu Ta Xá	07/05/1998	Lào Cai	Nam	Hà Nhi	08D.LH	08D1030019
30	CCTH703	Nguyễn Thị Thảo	09/08/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.KT02	10D3010073
31	CCTH704	Nguyễn Thùy Linh	25/08/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.KT1	10D3010018
32	CCTH705	Vũ Thị Cẩm Li	15/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	10D.KS	10D1030039
33	CCTH706	Bùi Văn Đăng	17/09/2001	Bắc Giang	Nam	Kinh	10D.KS	10D1030017
34	CCTH707	Bùi Đức Bình	01/10/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	10D.KS	10D1010075
35	CCTH708	Khoảng Thanh Xuân	20/02/2003	Điện Biên	Nữ	Thái	10D.DLLH	10D1030074

STT	Mã hồ sơ	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Mã SV
36	CCTH709	Nguyễn Thị Thanh Hoa	03/10/2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	10D.KS	10D1030026
37	CCTH710	Phí Hải Linh Chi	07/03/2003	Phú Thọ	Nữ	Mường	10D.KS	10D1030008
38	CCTH711	Nguyễn Thị Phương Linh	13/06/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.KS	10D1030035
39	CCTH712	Nguyễn Thị Hà Giang	26/10/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.KS	10D1030024
40	CCTH713	Lê Thị Trúc	03/11/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.KS	10D1030061
41	CCTH714	Vương Thị Tăng	25/02/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	10D.KS	10D1030048
42	CCTH715	Nguyễn Thị Thùy Linh	28/01/2002	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.DLLH	09D1030081
43	CCTH716	Nguyễn Thị Huyền	01/04/2002	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.QTKD1	11D1010138
44	CCTH717	Trần Ngọc Tuấn	05/07/1999	Bắc Ninh	Nam	Kinh	10D.LH	10D1030066
45	CCTH718	Nguyễn Thế Hùng	09/09/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	10D.QTKD2	10D1010096
46	CCTH719	Nguyễn Ngọc Trâm	27/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	10D.QTKD2	10D1010135
47	CCTH720	Trần Thị Thủy	01/05/1990	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10H.KT02	10H3010007
48	CCTH721	Phan Thị Cẩm Ly	31/05/2002	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	10D.QTKD01	10D1010044
49	CCTH722	Phạm Thị Mỹ Linh	23/03/2003	Điện Biên	Nữ	Kinh	10D.QTKD01	10D1010040
50	CCTH723	Nguyễn Bá Ngọc Anh	07/08/2003	Thanh Hóa	Nam	Kinh	10D.QTKD02	10D1010074
51	CCTH724	Nguyễn Tùng Anh	25/09/2003	Hà Nội	Nam	Kinh	10D.NNA	10D2200002
52	CCTH725	Quảng Thị Kiều	21/10/2003	Sơn La	Nữ	Thái	10D.QTKD01	10D1010035
53	CCTH726	Trần Thị Thảo	21/12/2003	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	10D.QTKD01	10D1010062
54	CCTH727	Nguyễn Thị Trang	15/08/2001	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10H.KT02	10H3010009
55	CCTH728	Đinh Văn Sĩ	17/07/1993	Bắc Ninh	Nam	Kinh	10D.QTKD02	10D1010120
56	CCTH729	Tạ Nhi Lan	05/03/2003	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	10D.QTKD01	10D1010037
57	CCTH730	Nguyễn Thị Hoài Linh	18/09/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.QTKD01	10D1010039
58	CCTH731	Nguyễn Hoàng Sơn	30/01/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	10D.QTKD02	10D1010121
59	CCTH732	Nguyễn Thị Lan Anh	06/11/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10.QTKD02	10D1010073
60	CCTH733	Nguyễn Thị Quý	11/08/2002	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	10D.LH	10D1030045
61	CCTH734	Bùi Ngọc An	17/01/1998	Sơn La	Nữ	Kinh	09D.KT	09D3010026
62	CCTH735	Lò Văn Anh	21/04/2003	Lai Châu	Nam	Thái	10D.QTKD01	10D1010002
63	CCTH736	Ngô Quang Huy	21/08/2002	Bắc Ninh	Nam	Kinh	10D.NNA	09D1030087
64	CCTH737	Vì Văn Xuân	07/02/2003	Sơn La	Nam	Thái	10D.QTKD02	10D1010141
65	CCTH738	Bùi Thị Xuân	27/02/1998	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10H.QTKD02	10H1010012
66	CCTH739	Nguyễn Cao Kỳ	05/06/1991	Bắc Ninh	Nam	Kinh	10H.QTKD02	10H1010008
67	CCTH740	Phạm Thiêm Thiện	26/01/1998	Hải Dương	Nam	Kinh	10LĐ.QTKD02	10LĐ1010016
68	CCTH741	Hà Văn Long	27/06/1999	Bắc Giang	Nam	Kinh	10LĐ.QTKD02	10LĐ1010019
69	CCTH742	Trần Thùy Trang	22/02/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	10D.KT01	10D3010037
70	CCTH743	Nguyễn Quang Huy	03/09/2000	Thanh Hóa	Nam	Kinh	11LĐ.QTKD	11LĐ1010005
71	CCTH744	Nguyễn Hữu Thọ	21/04/1993	Thanh Hóa	Nam	Kinh	10H.QTKD2	10H1010010
72	CCTH745	Đỗ Đức Đoàn	07/01/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	10D.QTKD02	10D1010080
73	CCTH746	Hoàng Nguyên Giáp	23/02/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	10D.NNA	10D2200007
74	CCTH747	Ngô Duy Toàn	07/10/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	10D.QTKD02	10D1010161

Danh sách gồm 74 sinh viên./.